

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 81/2007/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 5 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về
lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;
Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về
phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm
2020”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương
đến năm 2020” (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020 nhằm
xây dựng Bình Dương thành một tỉnh có tốc độ phát triển kinh tế nhanh, toàn diện
đảm bảo mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội,
xoá đói giảm nghèo, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân
dân.

Tập trung khai thác lợi thế về vị trí địa lý, sự hợp tác của các tỉnh trong Vùng kinh tế
trọng điểm phía Nam và cực hạt nhân phát triển là thành phố Hồ Chí Minh để phát
triển kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở tiếp tục cải cách hành chính, chủ động hội nhập quốc tế nhằm thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, công nghệ tiên tiến, phát triển các ngành công nghiệp trọng yếu; nâng quy mô, chất lượng các sản phẩm chủ lực và các ngành dịch vụ phù hợp với lợi thế so sánh của Tỉnh; nhanh chóng tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao để có thể xâm nhập vào thị trường thế giới (nhất là thị trường các nước trong khu vực ASEAN); đồng thời, chú trọng thị trường trong nước, đặc biệt là thị trường thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Nâng cao hiệu quả kinh tế gắn với phát triển xã hội trên cơ sở đầu tư có trọng điểm. Ưu tiên đầu tư các ngành, lĩnh vực có lợi thế về lao động, tài nguyên, nguyên liệu của các tỉnh và vùng lân cận v.v, để tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động và thu nhập cho nhân dân. Giảm sự chênh lệch về kinh tế - xã hội giữa các vùng trong Tỉnh, giữa các huyện phía Bắc với các huyện phía Nam của Tỉnh.

Xây dựng mạng lưới kết cấu hạ tầng đồng bộ, bố trí không gian hợp lý. Đặc biệt chú ý phát triển hệ thống giao thông đường bộ hiện đại theo tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trong khu vực và quốc tế. Phát triển công nghiệp gắn với phát triển đô thị và dịch vụ nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững.

Phát triển kinh tế - xã hội kết hợp chặt chẽ với bảo vệ môi trường. Đầu tư nâng cao hiệu quả kinh tế sinh thái miệt vườn truyền thống vùng Lái Thiêu và sinh thái ven sông Sài Gòn. Tạo cảnh quan theo hướng cân bằng sinh thái tự nhiên và phát triển theo hướng bền vững.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh vững mạnh trên địa bàn.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát:

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng phát triển công nghiệp, dịch vụ. Tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; chú trọng phát triển dịch vụ nhà ở, đào tạo phát triển nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe. Hoàn thành sự

ngành công nghiệp hoá và tạo ra sự phát triển cân đối, bền vững giai đoạn sau năm 2015.

b) Mục tiêu cụ thể:

Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng của các ngành công nghiệp, dịch vụ trong tổng GDP. Cụ thể là:

	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020
Quy mô dân số (triệu người)	Triệu người	1,2	1,6	2,0
Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người giá so sánh năm 2005)	Triệu đồng/người	30	52	89,6
Thu nhập bình quân đầu người (USD/người quy ra USD theo giá so sánh năm 2005)	USD/người	2.000	4.000	5.800
Cơ cấu kinh tế: nông, lâm, ngư nghiệp - công nghiệp - dịch vụ	%	4,5% -65,5% 30%	3,4% -62,9% 33,7%	-2,3% - 55,5% 42,2%

Tốc độ tăng trưởng bình quân của các ngành, lĩnh vực (%/năm)

	2006 2010	- 2011 - 2015	2016 2020	- 2006 - 2020
GDP	15	14,9	13	14,3
Nông, lâm nghiệp, thủy sản	3,2	3,4	3,6	3,4
Công nghiệp, xây dựng	16,8	14,5	12,3	14,5
Dịch vụ	15,6	16,5	16,1	16,0

- Kim ngạch xuất - nhập khẩu đạt 16.189 triệu USD vào năm 2010; trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 8.662 triệu USD. Các chỉ tiêu tương ứng năm 2015 là 24.000 triệu USD và 14.000 triệu USD, năm 2020 là 40.000 triệu USD và 25.000 triệu USD.
- Cơ cấu lao động chuyển dịch cùng với cơ cấu kinh tế theo hướng giảm lao động làm việc trong các ngành có năng suất thấp sang các ngành có năng suất, hiệu quả cao hơn. Lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp giảm còn 20% năm 2010; 14% năm 2015 và còn 10% năm 2020; lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng tăng lên 45% năm 2010, 48% năm 2015 và giảm xuống 45% năm 2020; lao động ngành dịch vụ tăng liên tục từ 35% năm 2010 lên 38% năm 2015 và 45% năm 2020.
- Tỷ lệ đô thị hoá vào năm 2010 đạt 40%; đến 2015 đạt 50% và đến năm 2020 đạt 75%. Bình Dương trở thành đô thị loại I, trực thuộc Trung ương vào năm 2020.
- Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia trên địa bàn và phát triển xã hội như giáo dục, đào tạo, xoá đói giảm nghèo và các vấn đề xã hội khác.
- Bảo đảm vững chắc an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

3. Phương hướng phát triển chủ yếu

a) Các ngành kinh tế:

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

Tiếp tục thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp theo hướng đa dạng hoá sản phẩm, chú trọng công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, sử dụng nguyên liệu trong nước. Xây dựng công nghiệp đạt trình độ tiên tiến và hiện đại, sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường trong nước cũng như nước ngoài. Đến năm 2020, Bình Dương trở thành trung tâm công nghiệp lớn, tầm quốc gia và khu vực. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 30,6%/năm thời kỳ 2006 - 2010; 26%/năm thời kỳ 2011- 2015 và 24,1%/năm thời kỳ 2016 - 2020. Tăng tỷ lệ nội địa hóa từ 55% năm 2010 lên 60% năm 2015 và 70% năm 2020, giảm tỷ lệ gia công. Nâng dần hàm lượng công nghệ cao trong sản phẩm công nghiệp. Nâng tỷ lệ công nghiệp sạch từ 20% hiện nay lên 40% năm 2010; 50% năm 2015 và 60% năm 2020.

Phát triển mạnh công nghiệp nhỏ và vừa, các ngành nghề truyền thống giải quyết nhiều việc làm tại chỗ ở khu vực nông thôn và thu hút lao động từ bên ngoài vào địa bàn Tỉnh.

Củng cố và nâng cao hiệu quả của các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn, lựa chọn các ngành công nghiệp có hàm lượng nội địa hoá cao. Đến năm 2020, dự kiến toàn Tỉnh có 31 khu công nghiệp với tổng diện tích 9.360,5 ha và 23 cụm công nghiệp với tổng diện tích 2.704 ha.

- Thương mại - dịch vụ:

Phát triển thị trường nội địa thông qua mở rộng giao thương với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, các khu công nghiệp lớn tập trung trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng đồng bằng sông Cửu Long và các vùng khác. Đối với thị trường nước ngoài, tập trung phát triển các mặt hàng chủ lực và các sản phẩm xuất khẩu từ các khu công nghiệp nhằm nâng cao giá trị xuất khẩu từ các khu công nghiệp tập trung và các sản phẩm chế biến từ cao su, hạt điều, đồ gỗ tinh chế v.v. Đồng thời, chú trọng nhập khẩu và cung ứng vật tư, thiết bị công nghệ cho sản xuất những hàng hóa phục vụ nâng cao đời sống nhân dân.

Thương nghiệp nội địa tăng 18%/năm thời kỳ 2006 - 2010 và tăng 15%/năm thời kỳ 2011 - 2010. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ năm 2010 đạt 21 tỷ đồng, năm 2020 đạt 85 tỷ đồng. Xây dựng các chợ kiên cố tại các thị xã, thị trấn, thị tứ, một số xã và cụm dân cư. Dịch vụ vận tải không ngừng tăng đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống. Tốc độ tăng giá trị vận tải thời kỳ 2006 - 2010 đạt 26%/năm, thời kỳ 2011 - 2015 đạt 25%/năm, thời kỳ 2016 - 2020 đạt 24%/năm.

Xuất khẩu được đẩy mạnh, tổng giá trị xuất khẩu đạt 8.662 triệu USD năm 2010, đạt 14.000 triệu USD năm 2015 và trên 25.000 triệu USD năm 2020. Tỷ trọng giá trị xuất khẩu của các mặt hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp chiếm 80 - 85% giá trị xuất khẩu. Tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 7.527 triệu USD năm 2010, đạt 10.000 triệu USD năm 2015 và đạt 15.000 triệu USD năm 2020.

Phát triển dịch vụ nhà ở cho công nhân có thu nhập thấp ở các khu công nghiệp tập trung; thị trường nhà ở cho người có thu nhập vừa và cao theo loại hình nhà ở sinh